

Mẫu biểu 6. Bản khai người trốn trên tàu

BẢN KHAI NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU DECLARATION OF STOWAWAY

1. CHI TIẾT VỀ TÀU/SHIP DETAILS

Tên tàu/*Name of ship*: Đại lý cảng tiếp/*Agent in next port*:
 Số IMO/*IMO number*: Địa chỉ đại lý/*Agent address*:
 Quốc tịch tàu/*Flag State of ship*: IRCS:
 Công ty tàu/*Company*: Số INMARSAT/*INMARSAT number*:
 Địa chỉ công ty/*Company address*: Cảng đăng ký/*Port of registry*:
 Tên thuyền trưởng/*Name of the Master*:
 Đại lý tàu biển/*Shipping agent*:

2. CHI TIẾT VỀ NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU/STOWAWAY DETAILS

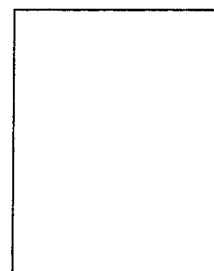
Thời gian phát hiện trên tàu/*Date/time found on board*:
 Nơi tìm thấy trên tàu/*Place found on board*:
 Quốc gia xảy ra việc trốn lên tàu/*Country of boarding*:
 Thời gian xảy ra việc trốn lên tàu/*Date/time of boarding*:
 Đích cuối cùng của người trốn trên tàu/*Intended final destination*:
 Lời khai lý do trốn trên tàu/*Stated reasons for boarding ship*:
 Họ/*Surname*:
 Tên/*Given name*:
 Tên khác/*Name by which known*:
 Giới tính/*Gender*:
 Ngày sinh/*Date of birth*:
 Nơi sinh/*Place of birth*:
 Khai báo về quốc tịch/*Claimed nationality*:
 Địa chỉ nhà riêng/*Home address*:
 Quốc gia cư trú/*Country of domicile*:
 Số-loại giấy tờ /*No of travel document— travel document type, e.g. Passport No*:
 Số Chứng minh hoặc Sổ thuyền viên/*ID Card No. or Seaman's book No*:
 Nếu có/*If yes*,
 Ngày cấp/*Date of issued*:
 Nơi cấp/*Place of issued*:
 Ngày hết hạn/*Date of expiry*:

Cơ quan cấp/*Issued by:*

Ảnh của người trốn trên tàu/*Photograph of the stowaway:*

Đặc điểm nhận dạng của người trốn trên tàu/

General physical description of the stowaway:



Ngôn ngữ sử dụng chính/*First language:*

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*

Khả năng đọc/*Read:*

Khả năng viết/*Written:*

Ngôn ngữ khác/*Other languages:*

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*

Khả năng đọc/*Read:*

Khả năng viết/*Written:*

3. CÁC CHI TIẾT KHÁC/*OTHER DETAILS*

(1) Phương thức trốn lên tàu, bao gồm cả những người liên quan (Ví dụ: Thủy thủ, công nhân cảng.v.v.) và cả người trốn trong hàng hóa/container hoặc ẩn ở trên tàu/*Method of boarding, including other persons involved (e.g. crew, port workers, etc.), and whether the Stowaway was secreted in cargo/container or hidden in the ship:*

(2) Kiểm kê tài sản người trốn trên tàu/*Inventory of the Stowaway's possessions:*

(3) Tờ khai của người trốn trên tàu/*Statement made by the Stowaway:*

(4) Tờ khai của thuyền trưởng (bao gồm cả những nhận xét về tính xác thực về những thông tin mà người trốn trên tàu khai)/*Statement made by the Master (including any observations on the credibility of the information provided by the Stowaway).*

Các ngày thực hiện phỏng vấn/*Date(s) of Interview(s):*

THUYỀN TRƯỞNG
MASTER

(Họ tên/ *Family name, given name*)

ĐẠI LÝ
AGENT

(Họ tên/ *Family name, given name*)

Ngày:
Date:

Ngày:
Date: